



Danh Sách Ghi Điểm  
Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)  
Môn Học: Nông học đại cương (203608-05)  
CBGD

Trang 1

| STT | Mã SV    | Họ Và Tên          | AI    | Ng/Sinh  | Số Tờ | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký | Ghi Chú |
|-----|----------|--------------------|-------|----------|-------|------|----------|--------|---------|
| 1   | 11221005 | TRẦN THỊ           | AI    | 01/01/82 |       | 7    | bảy      | Vinh   | Nợ HP   |
| 2   | 11221006 | NGUYỄN HOÀNG       | ANH   | 01/11/92 |       | 7    | bảy      | Nghiem | Nợ HP   |
| 3   | 11221007 | NGUYỄN HOÀNG       | ANH   | 27/02/93 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 4   | 11221008 | NGUYỄN VĂN         | BÀ    | 28/11/68 |       | 8    | tám      | Quang  | Nợ HP   |
| 5   | 11221009 | NGUYỄN VĂN         | BÈN   | 14/04/68 |       | 8    | tám      | Quang  | Nợ HP   |
| 6   | 11221010 | NGUYỄN THÀNH       | CÔNG  | 01/01/89 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 7   | 11221011 | ĐẶNG HÙNG          | CƯỜNG | 1/65     |       |      |          |        | Nợ HP   |
| 8   | 11221014 | PHẠM XUÂN          | DŨNG  | 26/10/79 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 9   | 11221015 | HUỖNH NGUYỄN TRỌNG | DUY   | 30/10/81 |       | 8    | tám      | Quang  | Nợ HP   |
| 10  | 11221013 | BÙI TẤN            | DƯƠNG | 30/02/89 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 11  | 11221012 | VÕ THỊ THÙY        | DƯƠNG | 17/04/83 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 12  | 11221002 | HUỖNH VĂN          | ĐIỀN  | 13/09/75 |       | 8    | tám      | Quang  | Nợ HP   |
| 13  | 11221003 | ĐẶNG THANH         | ĐIỀU  | 08/02/82 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 14  | 11221001 | HUỖNH RẠNG         | ĐÔNG  | 22/11/92 |       |      |          |        | Nợ HP   |
| 15  | 11221004 | LÊ HỮU             | ĐỨC   | 28/11/74 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 16  | 11221016 | NGUYỄN TÚ          | EM    | 24/06/87 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 17  | 11221017 | PHAN TRƯỜNG        | GIANG | 04/07/93 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 18  | 11221020 | MAI HỒNG           | HẠNH  | 26/08/81 |       | 8    | tám      | Quang  | Nợ HP   |
| 19  | 11221021 | NGUYỄN NGỌC        | HẠNH  | 19/05/86 |       | 8    | tám      | Quang  | Nợ HP   |
| 20  | 11221018 | VÕ THỊ THANH       | HẰNG  | 20/02/77 |       | 8    | tám      | Quang  | Nợ HP   |
| 21  | 11221022 | LÂM TRỌNG          | HIẾU  | 21/05/91 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 22  | 11221023 | LÊ PHÚ             | HUY   | 08/07/74 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 23  | 11221024 | PHẠM THỊ THANH     | HUYỀN | 11/03/84 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 24  | 11221019 | NGUYỄN THỊ THU     | HƯƠNG | 28/02/85 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 25  | 11221025 | TRẦN NAM           | KHA   | 08/05/92 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 26  | 11221026 | NGUYỄN ĐĂNG        | KHOA  | 10/11/82 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 27  | 11221028 | HUỖNH PHI          | LONG  | 19/02/81 |       |      |          |        | Nợ HP   |
| 28  | 11221029 | NGÔ HOÀNG          | LONG  | 09/01/83 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 29  | 11221027 | HUỖNH THIẾU        | LƯƠNG | 16/12/77 |       |      |          |        | Nợ HP   |
| 30  | 11221030 | HUỖNH HOÀNG        | MINH  | 28/10/81 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 31  | 11221032 | NGUYỄN VĂN         | NHÂN  | 01/01/73 |       | 7    | bảy      | Quang  | Nợ HP   |
| 32  | 11221033 | ĐÀO KIM            | NHÂN  | 26/10/93 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 33  | 11221031 | LÊ TRỌNG           | NHÂN  | 01/10/81 |       | 6    | sáu      | Quang  | Nợ HP   |
| 34  | 11221034 | TRẦN THANH         | NUÔI  | 1/87     |       |      |          |        | Nợ HP   |

# Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)  
Môn Học: Nông học đại cương (203608-05)  
CBGD

Trang 2

| STT | Mã SV    | Họ Và Tên       | Ng/Sinh | Số Tờ    | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký | Ghi Chú |
|-----|----------|-----------------|---------|----------|------|----------|--------|---------|
| 35  | 11221040 | LÊ HOÀI         | PHONG   | 15/12/81 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 36  | 11221037 | NGUYỄN THANH    | PHÚ     | 20/11/88 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 37  | 11221038 | HUỖNH DIỄM      | PHÚC    | 20/12/82 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 38  | 11221039 | NGUYỄN THANH    | PHÚC    | 27/12/88 |      |          |        | Nợ HP   |
| 39  | 11221035 | NGUYỄN HỒNG     | PHƯỚC   | 30/04/82 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 40  | 11221036 | LƯƠNG NGỌC      | PHƯƠNG  | 05/11/78 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 41  | 11221041 | HUỖNH THANH     | SANG    | 18/08/90 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 42  | 11221042 | PHAN VĂN        | SANG    | 17/04/84 |      |          |        | Nợ HP   |
| 43  | 11221043 | TRƯƠNG THANH    | SANG    | 25/12/80 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 44  | 11221044 | NGUYỄN NHẤT     | SINH    | 20/12/87 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 45  | 11221046 | LÊ THÀNH        | TẤN     | / /93    |      |          |        | Nợ HP   |
| 46  | 11221054 | NGUYỄN PHÚ      | THANH   | 10/01/84 |      |          |        | Nợ HP   |
| 47  | 11221049 | VÕ TRƯỜNG       | THÀNH   | 26/02/83 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 48  | 11221050 | MAI VĂN         | THẢO    | 26/03/79 | 8    | tam      |        | Nợ HP   |
| 49  | 11221052 | PHẠM THỊ HỒNG   | THẨM    | 05/12/84 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 50  | 11221051 | NGUYỄN VĂN      | THẮNG   | / /86    | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 51  | 11221053 | HUỖNH MINH      | THẮNG   | / /85    | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 52  | 11221048 | VÕ THÀNH        | THUẬN   | 25/10/82 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 53  | 11221047 | LÊ THỊ ANH      | THƯ     | 15/07/83 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 54  | 11221055 | HỒ VĂN          | THUYẾT  | 08/08/79 | 8    | tam      |        | Nợ HP   |
| 55  | 11221058 | MAI THANH       | TOÀN    | 06/06/86 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 56  | 11221045 | TRẦN BẢO        | TỒN     | 01/10/84 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 57  | 11221056 | HUỖNH MINH      | TỚI     | 07/09/80 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 58  | 11221061 | VÕ THANH        | TRAI    | 12/02/82 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 59  | 11221059 | NGUYỄN HẢI MINH | TRÂN    | 12/10/83 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 60  | 11221064 | TRẦN MINH       | TRÍ     | / /82    | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 61  | 11221063 | VÕ MINH         | TRÍ     | 05/07/89 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 62  | 11221062 | PHẠM VĂN        | TRỌNG   | 01/04/92 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 63  | 11221060 | ÔN THANH        | TRƯỜNG  | / /74    | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 64  | 11221066 | ĐỒNG VĂN        | TUẤN    | / /85    | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 65  | 11221069 | HUỖNH ANH       | TUẤN    | 28/08/89 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 66  | 11221065 | HUỖNH VĂN       | TUẤN    | 16/08/90 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 67  | 11221068 | NGUYỄN THANH    | TUẤN    | 19/05/84 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 68  | 11221070 | NGUYỄN VĂN      | TUẤN    | 20/04/77 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 69  | 11221067 | VÕ ANH          | TUẤN    | 11/08/77 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |
| 70  | 11221057 | LÊ MINH         | TÙNG    | 17/11/78 | 7    | bay      |        | Nợ HP   |
| 71  | 11221071 | MAI THANH       | TUYỀN   | 01/08/72 | 6    | sau      |        | Nợ HP   |

# Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)  
Môn Học: Nông học đại cương (203608-05)  
CBGD

| STT | Mã SV    | Họ Và Tên  | Ng/Sinh | Số Tờ Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký   | Trang 3 |
|-----|----------|------------|---------|------------|----------|----------|---------|
| 72  | 11221072 | NGUYỄN ANH | VŨ      | 17/10/90   | 6        | Điểm Chữ | Ghi Chú |
| 73  | 11221073 | NGUYỄN TẤN | VŨ      | 30/02/89   |          |          | Nợ HP   |

In Ngày 13/01/14 62 bài

Ngày 15 Tháng 01 Năm 2014

Cán Bộ Coi Thi 1 Nguyễn Văn Vương Cán Bộ Coi Thi 2 \_\_\_\_\_

Xác nhận của Bộ Môn Trần Văn Lọt Cán Bộ Chấm Thi 1 Trần Văn Lọt Cán Bộ Chấm Thi 2 \_\_\_\_\_

In Ngày 13/01/14

ThS. Trần Văn Lọt

Trần Văn Lọt

TP.HCM, Ngày 13 tháng 01 năm 2014